

Bản án số: 207/2020/HNGĐ-ST.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020.

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chuyết.
2. Ông Phạm Hồng Thái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Đức Tài - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 165/2020/TLST-HNGĐ ngày 21/10/2020 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/12/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Q, sinh năm 1990.

Nơi ĐKKHKT: Xóm 2, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Hiện đang trú tại: Thôn P, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Bùi Đình T, sinh năm 1990.

Trú tại: Xóm 2, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị Q và anh T vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn là chị Vũ Thị Q trình bày:

Chị kết hôn với anh Bùi Đình T vào ngày 04/01/2017 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi cưới vợ chồng chung sống bình thường một thời gian, đến khi có con chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Do mâu thuẫn căng thẳng, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2020. Xét tình cảm vợ chồng không còn, chị Q làm đơn xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Quốc B, sinh ngày 30/11/2017. Hiện nay con chung đang ở với chị, khi ly hôn chị nhận nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20/11/2020, anh Bùi Đình T có ý kiến như sau:

Anh xác nhận thời gian kết hôn đúng như chị Q trình bày. Từ tháng 3/2020, hai mẹ con chị Q về sống với ông bà ngoại để tiện cho việc chăm sóc cháu và vợ anh đi làm ở công ty gần nhà ngoại. Nay chị Q làm đơn xin ly hôn, anh không đồng ý vì muốn con có bố mẹ và vợ chồng không có mâu thuẫn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Quốc B, sinh ngày 30/11/2017, hiện đang ở với chị Q.

Về tài sản, công nợ: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Vũ Thị Q và anh Bùi Đình T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt chị Q, anh T là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung

2.1. Về tình cảm: Chị Vũ Thị Q kết hôn với anh Bùi Đình T vào ngày 04/01/2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị Q chung sống bình thường được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Do mâu thuẫn căng thẳng nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2020. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, đời sống chung của vợ chồng đã thực sự tan vỡ. Nguyên vọng xin ly hôn của chị Q là chính đáng, có căn cứ được chấp nhận.

Quan điểm của anh T không đồng ý ly hôn là không có cơ sở vì mâu thuẫn giữa vợ chồng anh T đã căng thẳng, kéo dài, chị Q bỏ về nhà sống tại nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 3/2020 nhưng anh T không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

2.2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Quốc B, sinh ngày 30/11/2017.

HĐXX xét thấy: Hiện nay cháu Bùi Quốc B còn nhỏ, đang ở với chị Q vì vậy để đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên cần giao con chung là Bùi Quốc B cho chị Q được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Xét việc chị Q không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

2.3. Về tài sản, công nợ: Anh, chị không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Q phải nộp theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Vũ Thị Q và anh Bùi Đình T.

2. Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Bùi Quốc B, sinh ngày 30/11/2017 (*hiện nay cháu Bảo đang ở với chị Q*). Chấp nhận sự tự nguyện của chị Q về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Bùi Đình T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn.

3. Án phí: Chị Vũ Thị Q nộp 300.000 đồng. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Q đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002246 ngày 21/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Chị Q đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Chị Vũ Thị Q và anh Bùi Đình T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trục Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trục Ninh;
- UBND xã T;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Bùi Văn Dũng